

*

Cao Bằng, ngày 13 tháng 6 năm 2025

**ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 25**

Hệ đào tạo: Không tập trung

Thời gian học từ ngày 25/5/2024 đến ngày 16/6/2025

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
1	Mã Thị An	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
2	Vũ Văn Anh	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
3	Nguyễn Triệu Ngọc Ánh	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
4	Đình Long Bồi	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
5	Sầm Đức Chính	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
6	Nguyễn Đăng Chính	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
7	Bé Văn Cường	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
8	Triệu Văn Cường	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
9	Đàm Đình Diệm	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
10	Nguyễn Thị Diệp	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
11	Đặng Thị Dịu	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
12	Hoàng Văn Dũng	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
13	Đình Ba Duy	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
14	Long Thị Hồng Gấm	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
15	Nguyễn Thị Gấm	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
16	Bé Ích Giang	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
17	Nguyễn Thị Hà	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
18	Hứa Thị Hằng	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
19	Trần Thanh Hằng	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
20	Nông Hồng Hạnh	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
21	Đặng Thị Hiền	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
22	Tô Thị Thu Hiền	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
23	Lương Thị Hiệp	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
24	Hoàng Trung Hòa	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
25	Hà Thị Thu Hồng	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
26	Đàm Thị Hợp	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
27	Hoàng Thị Hồng Huế	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
28	Đặng Thị Huệ	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
29	Nguyễn Mạnh Hùng	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
30	Nguyễn Đức Huy	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
31	Phan Văn Huyền	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
32	Phương Thị Huyền	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
33	Đinh Thị Lệ	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
34	Hoàng Hải Long	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
35	Ngô Kiều Lượng	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
36	Nguyễn Thị Ly	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
37	Đỗ Hoàng Mai	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
38	Lương Thế Minh	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
39	Ngô Thị Mười	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
40	Nông Thị Nga	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
41	Nguyễn Thị Nguyệt	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
42	Nguyễn Hà Nhân	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
43	Nông Thị Nhớ	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
44	Nông Thị Như	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
45	Vi Thị Phương Nhung	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
46	Nông Thị Nụ	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
47	Hoàng Thị Quê	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
48	Nguyễn Vương Quyền	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
49	Mã Thị Sa	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
50	Nông Thị Sen	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
51	Hoàng Duy Thắng	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
52	Đinh Xuân Thành	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
53	Nông Tiến Thành	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
54	Hoàng Đức Thịnh	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
55	Nông Thị Thủy	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
56	Phạm Thị Huyền Trang	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
57	Long Thị Trang	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
58	Đàm Trọng Tuyên	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
59	Đàm Thị Tuyên	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
60	Hoàng Bá Tuyền	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt
61	Hoàng Thị Tố Uyên	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa